



bù dàn

不但

Conjunction · not only (... but also ...)

Example Sentences

tā bù dàn gāo ér qiě shòu
他不但高，而且瘦。

He is not only tall, but also thin.

tā bù dàn huì shuō Yīng yǔ ér qiě huì shuō Rì yǔ
他不但会说英语，而且会说日语。

He can not only speak English, but also speak Japanese.

zhè ge gōng yuán bù dàn piào liàng ér qiě ān jìng
这个公园不但漂亮，而且安静。

This park is not only beautiful, but also quiet.

Trace each character, then write the word on your own.

不 不 不 不 不 不 不

但 但 但 但 但 但 但 但 但 但